

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 3916/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19

tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 và phân bổ danh mục chi tiết nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020, nhưng có điều chỉnh nội dung đầu tư của một số dự án cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 được chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết, bao gồm:

a) Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND

- Điều chỉnh tên 01 dự án cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

- Điều chỉnh, bổ sung đối với nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước): Bổ sung danh mục của 01 dự án, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 02 dự án để tăng kế hoạch vốn cho 01 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 101.303 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 7.600 triệu đồng; điều chỉnh nội dung đầu tư của 02 dự án theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 26 dự án (trong đó có 09 dự án thực hiện đầu tư, 17 dự án chuẩn bị đầu tư) do chưa có khối lượng thanh toán (24 dự án), phù hợp với mức vốn bố trí (01 dự án) và cam kết đối ứng với nhà tài trợ (01 dự án); bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 03 dự án để triển khai thực hiện, với tổng số vốn điều chỉnh là 146.871 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 27.351 triệu đồng;

- Điều chỉnh kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2021: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 18 dự án; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 08 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 282.005 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 61.189 triệu đồng.

b) Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang cho 01 dự án, với tổng số vốn là 12.904 triệu đồng;

c) Bổ sung danh mục 14 dự án và kế hoạch vốn cho 15 dự án, từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang và nguồn tăng thu ngân sách địa phương, với tổng số vốn là 39.120 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, TP, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HDND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến




Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 08 /2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

| STT |  Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | TỔNG CỘNG | 657.638 | 709.662 | 148.164 | 96.140 | |
| A | Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND | 530.179 | 530.179 | 96.140 | 96.140 | |
| I | Điều chỉnh tên dự án | | | | | |
| I | Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Tân Phú và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành | | | | | Điều chỉnh tên dự án trong Phụ lục 1: Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành thành Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Tân Phú và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành cho phù hợp với các Quyết định chủ trương/dự án đầu tư |
| II | Bổ sung danh mục dự án, điều chỉnh nội dung đầu tư và kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) | 101.303 | 101.303 | 7.600 | 7.600 | |
| 1 | Đường giao thông kết hợp đê bao ngăn mặn liên huyện Mỏ Cày Nam - Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre | 20.000 | 18.000 | | 2.000 | Chuyển từ khởi công mới năm 2021 sang chuẩn bị đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương |
| 2 | Cầu Rạch Vong | 81.303 | 75.703 | | 5.600 | |
| 3 | Dự án Hạ tầng tái cơ cấu vùng nuôi tôm lúa khu vực xã Mỹ An và xã An Điền, huyện Thạnh Phú | | 7.600 | 7.600 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| III | Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg | 146.871 | 146.871 | 27.351 | 27.351 | |

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| III.1 | Thực hiện dự án | 144.271 | 146.021 | 27.351 | 25.601 | |
| 1 | Công trình Thí điểm nâng cấp, cải tạo công trình trạm xử lý phân bùn thải bề tự hoại thành phố Bến Tre | 3.188 | 2.087 | | 1.101 | Giảm vốn đối ứng theo đúng văn bản cam kết với nhà tài trợ |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2) | 8.000 | 7.700 | | 300 | Giảm vốn cho phù hợp với mức vốn bố trí 90% tổng mức đầu tư |
| 3 | Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Năm | 14.500 | 7.500 | | 7.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 4 | Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh | 4.500 | 4.757 | 257 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 5 | Bố trí vốn kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch | | | | | |
| | Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bến Tre | 800 | 100 | | 700 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| | Lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 16.000 | 36.700 | 20.700 | | Bổ sung vốn thanh toán khối lượng |
| 6 | Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận | 65.963 | 72.357 | 6.394 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 7 | Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Trĩ | 2.820 | 1.820 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 8 | Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre | 17.000 | 7.000 | | 10.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 9 | Cải tạo, sửa chữa trụ sở các ban đảng Tỉnh ủy | 3.000 | 1.000 | | 2.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 10 | Trường bắn Bộ CHQS tỉnh | 3.000 | 1.500 | | 1.500 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 11 | Doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Ba Tri | 5.500 | 3.500 | | 2.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| III.2 | Chuẩn bị đầu tư | 2.600 | 850 | - | 1.750 | |
| 1 | Bảo tàng tỉnh Bến Tre | 200 | 50 | | 150 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 2 | Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh (tòa nhà số 2) | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 3 | Đầu tư xây dựng thư viện Nguyễn Đình Chiểu (thư viện tỉnh) | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 4 | Nâng cấp, mở rộng công viên Trần Văn Ôn | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 5 | Khu hành chính xã Phước Mỹ Trung | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 6 | Trạm kiểm soát biên phòng Hàm Luông | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 7 | Trụ sở làm việc Ban CHQS và nhà ở dân quân xã, phường, thị trấn (giai đoạn 2) | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 8 | Mở rộng kho đạn tỉnh | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 9 | Trường THCS Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 10 | Đường vào Trung tâm xã An Hóa | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 11 | Khu hành chính xã Tân Phú | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 12 | Khu hành chính xã Phước Thạnh | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 13 | Đường từ cầu Đập xã Hưng Nhượng đến bến đò xã Hưng Lễ đi huyện Thạnh Phú (ĐT.DK.04) | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 14 | Cầu Tân Mỹ | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 15 | Cầu liên xã Lương Phú - Lương Hòa | 100 | 50 | | 50 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 16 | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc | 500 | 50 | | 450 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 17 | Hoàn thiện đường nội bộ Trụ sở công an tỉnh Bến Tre | 500 | 50 | | 450 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| IV | Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn Xô số kiến thiết | 282.005 | 282.005 | 61.189 | 61.189 | |
| | Thực hiện dự án | 282.005 | 282.005 | 61.189 | 61.189 | |
| 1 | Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2) | 2.000 | | | 2.000 | Giảm vốn do cắt giảm quy mô đầu tư |
| 2 | Hỗ trợ Bến tàu du lịch thành phố Bến Tre | 5.000 | 2.000 | | 3.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng |
| 3 | Lộ Tân Bắc (ĐH.DK.19) | 4.000 | 1.000 | | 3.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 4 | Đường huyện 04, huyện Châu Thành | 4.000 | 1.000 | | 3.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 5 | Cầu Đập Lá, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc | 3.000 | 1.500 | | 1.500 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 6 | Đầu tư xe truyền hình lưu động | 5.000 | 311 | | 4.689 | Giảm vốn do ngưng thực hiện dự án |
| 7 | Đầu tư thiết bị phim trường thời sự, văn nghệ chuẩn HD | 5.000 | 7.689 | 2.689 | | Bổ sung vốn thanh toán khối lượng |

5

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 8 | Nội thất đền thờ - Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh | 2.000 | 6.500 | 4.500 | | Bổ sung vốn thanh toán khối lượng |
| 9 | Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận | 103.505 | 137.505 | 34.000 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 10 | Hỗ trợ đầu tư CSV, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | | | |
| | Dự án mua sắm thiết bị dạy học dùng chung cho lớp 2 các trường Tiểu học và lớp 6 cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh. | 40.000 | 20.000 | | 20.000 | Giảm vốn do chưa triển khai thực hiện |
| | Trường THCS Thị Trấn Ba Tri | 12.000 | 16.000 | 4.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng |
| | Trường Tiểu học - THCS Phước Hiệp | 6.000 | 10.000 | 4.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng |
| | Trường Mẫu giáo Hoa Sen, xã Thới Lai | 5.000 | 9.000 | 4.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng |
| | Trường Tiểu học An Khánh | 9.000 | 13.000 | 4.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng |
| | Trường Mẫu giáo Tân Bình | 10.000 | 14.000 | 4.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng |
| 11 | Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành | 10.000 | 5.000 | | 5.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 12 | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải phục vụ cảng cá Ba Tri, tỉnh Bến Tre | 3.000 | 1.000 | | 2.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 13 | Đường giao thông vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri | 15.000 | 10.000 | | 5.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 14 | Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa) | 10.000 | 9.000 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 15 | Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành) | 10.000 | 7.000 | | 3.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 16 | Đường làng nghề, huyện Mỏ Cày Nam | 3.000 | 2.000 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 17 | Nâng cấp, mở rộng đường huyện 26 (đường vào Trung tâm xã Hòa Lợi) | 3.000 | 2.000 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 18 | Cầu Bà Tư trên tuyến đê biển Bình Đại | 3.000 | 2.000 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 19 | Xây dựng đường Đê Tây, huyện Bình Đại (đoạn từ giáp xã Châu Hưng đến Thạnh Trị) | 5.000 | 2.000 | | 3.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 20 | Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre | 2.000 | 1.000 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| 21 | Trung tâm văn hóa thể thao huyện Giồng Trôm | 2.500 | 1.500 | | 1.000 | Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán |
| B | Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang | | 12.904 | 12.904 | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận | | 12.904 | 12.904 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| C | Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang và nguồn tăng thu ngân sách địa phương | 127.459 | 166.579 | 39.120 | | Vốn bổ sung gồm: vốn từ nguồn tăng thu XSKT là 32.365 triệu đồng, vốn từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương là 6.755 triệu đồng |
| 1 | Bổ trí vốn kế hoạch để tất toán, quyết toán, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành | | | | | |
| | Đầu tư hạ tầng, xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh | | 254 | 254 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |

7

| STT | Tên dự án, công trình | Kế hoạch năm 2021 | Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021 | | | Lý do điều chỉnh tăng (giảm) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Trong đó | | |
| | | | | Điều chỉnh tăng vốn | Điều chỉnh giảm vốn | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | Trường Mẫu giáo Long Thới, huyện Chợ Lách | | 337 | 337 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 2 | Kho đạn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | | 2.680 | 2.680 | | Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh |
| 3 | Sửa chữa Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh | | 82 | 82 | | Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh |
| 4 | Đường DX.02 xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm | | 601 | 601 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 5 | Đường DX.04 xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm | | 573 | 573 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 6 | Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn | | 1.872 | 1.872 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 7 | Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Bình Đại | | 3.139 | 3.139 | | Hoàn trả Ngân sách Trung ương đã tạm mượn |
| 8 | Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre | | 13.961 | 13.961 | | Hoàn trả Ngân sách Trung ương đã tạm mượn |
| 9 | Mở rộng mái che khu khám bệnh của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | | 2.000 | 2.000 | | Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành (dự án đầu tư theo quy trình khẩn cấp) |
| 10 | Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Liên khoa Ngoại tổng quát, chấn thương chỉnh hình – phục hồi chức năng, ung bướu, mắt, răng – hàm – mặt Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | | 1.000 | 1.000 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 11 | Trạm kiểm soát biên phòng Hàm Luông | | 1.000 | 1.000 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 12 | Đường vào Trung tâm xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại | | 1.000 | 1.000 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 13 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp Tỉnh | | 621 | 621 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |
| 14 | Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận | 127.459 | 137.459 | 10.000 | | Bổ sung vốn để thực hiện dự án |